

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

*Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp thẩm quyền xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 30/BCTT-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

**1. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản**

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

- Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, bị chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

- Tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (*trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh*).

- Tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

- Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) quyết định giải thể theo ủy quyền;

- Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại Tiết thứ 1 Điểm a Khoản 1 Điều này.

## **2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản, bao gồm:

- Các tài sản đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quy định tại Tiết thứ 2, 3, 4 và 5 Điểm a Khoản 1 Điều này.

- Các tài sản đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quy định tại Tiết thứ 1 Điểm a Khoản 1 Điều này, bao gồm các tài sản: nhà, đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác, các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc gói tài sản có giá trị 01 tỷ đồng trở lên (*trừ tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia*).

- Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh tịch thu theo thẩm quyền hoặc do cơ quan, người có thẩm quyền khác ra quyết định tịch thu, chuyển giao theo thẩm quyền.

- Vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu gồm: nhà, đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện ra quyết định thi hành án chuyển giao.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quy định tại Tiết thứ 1 Điểm a Khoản 1 Điều này là các tài sản có giá trị dưới 500 triệu

đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói tài sản có giá trị dưới 01 tỷ đồng (trừ các tài sản: nhà, đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác, tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản, bao gồm:

- Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện ra quyết định tịch thu.

- Vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện ra quyết định thi hành án chuyển giao (trừ các tài sản thuộc phạm vi quy định tại Tiết thứ 4 Điểm a Khoản 2 Điều này).

- Các tài sản đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XII Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỷ họp.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phụ lục 01

BỘ SUNG TÔNG NGUỒN KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NGUỒN VỐN/DANH MỤC	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Trong đó năm 2018	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Trong đó năm 2018	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Trong đó năm 2018		
	TÔNG NGUỒN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020	9.678.516.900	2.276.540.000	1.238.000.000	430.000.000	10.916.516.900	2.706.540.000		
	<i>Trong đó bổ sung nguồn vốn:</i>								
A	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT CÁC DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	0	0	1.238.000.000	430.000.000	1.238.000.000	430.000.000		

(\*) : Phần kế hoạch bổ sung trong năm nên không tính 10% dự phòng chưa phân bổ

Phụ lục 02

BỘ SƯNG DỰ ÁN VÀO KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NGUỒN/VỐN/DANH MỤC	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 sau khi điều chỉnh		Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Trong đó năm 2018	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Trong đó năm 2018	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Trong đó năm 2018		
	TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020	9.678.516.900	2.276.540.000	1.238.000.000	430.000.000	10.916.516.900	2.706.540.000		
	<i>Trong đó bổ sung nguồn vốn:</i>								
A	Tiền sử dụng đất, cho thuê đất các dự án khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh	0	0	1.238.000.000	430.000.000	1.238.000.000	430.000.000		
1	<i>Phần bổ</i>	0	0	1.238.000.000	430.000.000	1.238.000.000	430.000.000		
1	Đường trục Khu kinh tế mới dài, đoạn Km+00 - Km18+500	0	0	812.000.000	300.000.000	812.000.000	300.000.000	Từ tiền sử dụng đất, cho thuê đất dự án Khu đô thị sinh thái Nhơn Hội (Đơn vị ở II, IV, IX) (* )	
2	Dự án Tuyến đường Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)	0	0	276.000.000	100.000.000	276.000.000	100.000.000	Thực hiện từ đoạn giao với đường Điện Biên Phủ đến Quốc lộ 1 (Tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ khu đất 72B, đường Tây Sơn và Khu đất C1, khu dân cư đường Điện Biên Phủ TP Quy Nhơn và các Khu dân cư trên địa bàn thành phố Quy Nhơn) (* )	
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	0	0	150.000.000	30.000.000	150.000.000	30.000.000	Thực hiện từ Tiền sử dụng đất, cho thuê đất Khu Đô thị Long Vân (* )	

(\*): Kế hoạch phân bổ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án (trừ tiết kiệm 10% theo Nghị quyết 89/NQ-CP và 70/NQ-CP của Chính phủ).

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2018 - 2020 VÀ NĂM 2018**  
**THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh)*

ĐVT: nghìn đồng

STT	Nguồn vốn/danh mục dự án	Kế hoạch vốn 2018 - 2020 thuộc Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 đã giao		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số (*)	Trong đó: năm 2018	Tổng số (*)	Trong đó năm 2018	Tổng số (*)	Trong đó năm 2018		
<b>I</b>	<b>NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG</b>								
	<i>Điều chỉnh giảm</i>			<b>-5.230.000</b>	<b>-3.249.000</b>				
1	Khu di tích Nhà tù Phú Tài	1.696.000	500.000	-553.000	-72.000	1.143.000	428.000	Sở VH, TT	Dự điểm
2	Khu di tích Vũ Thâm sát Kim Tài	526.000	526.000	-311.000	-311.000	215.000	215.000	Sở VH, TT	Dự điểm
3	Cụm di tích tháp Bánh Ít	916.000	916.000	-366.000	-366.000	550.000	550.000	Sở VH, TT	Dự điểm
4	Nhà làm việc 2A Trần Phú	74.331.000	5.000.000	-4.000.000	-2.500.000	70.331.000	2.500.000	VP Tỉnh ủy	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>			<b>5.230.000</b>	<b>3.249.000</b>				
1	Sửa chữa Khu di tích Nhà tù Phú Tài	0	0	1.230.000	749.000	1.230.000	749.000	Sở VH, TT	Thanh toán KLLHT
2	Sửa chữa trường chỉnh trị tỉnh (Nhà làm việc tạm thời cho các Ban Đảng)	0	0	4.000.000	2.500.000	4.000.000	2.500.000	Sở VH, TT	
<b>II</b>	<b>VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>								
	<i>Điều chỉnh giảm</i>			<b>-10.597.831</b>	<b>-3.987.831</b>				
1	Xây dựng tuyến đường DT.630 (đoạn từ Đốc Trường Sơn - Ngã 3 Kim Sơn)	4.576.000	2.500.000	-3.165.000	-1.089.000	1.411.000	1.411.000	UBND huyện Hoài Ân	Đơn vị đã sử dụng ngân sách của Huyện bố trí dự điểm cho dự án
2	Xây dựng kê chống sạt lở bờ sông thôn Phú Hưn II	6.634.000	2.100.000	-5.230.000	-696.000	1.404.000	1.404.000	UBND huyện Hoài Ân	Đơn vị đã sử dụng ngân sách của Huyện bố trí dự điểm cho dự án
3	Hệ thống điện chiếu sáng Khu tái định cư Nhơn Phước gd 1	1.240.000	1.240.000	-1.240.000	-1.240.000	0	0	BQL KKT	Dự điểm
4	Hệ thống điện chiếu sáng từ cầu Thị Nại đến Nhơn Lý	2.269.000	1.500.000	-962.831	-962.831	1.306.169	537.169	BQL KKT	Dự điểm
	<i>Điều chỉnh tăng</i>			<b>10.597.831</b>	<b>3.987.831</b>				
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ DT 630 đi trung tâm xã Đak Mang	0	0	8.395.000	1.785.000	8.395.000	1.785.000	UBND huyện Hoài Ân	
2	Khu Tái định cư Nhơn Phước giai đoạn 2 và phần mở rộng về phía Bắc 1Sha	0	0	2.202.831	2.202.831	2.202.831	2.202.831	BQL KKT	

Ghi chú: (\*) Không phân biệt nguồn vốn

## Phụ lục 04

## BIÊN CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018 (NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh)

ĐVT: nghìn đồng

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch năm 2018 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	<b>Điều chỉnh giảm</b>		<b>-4.649.000</b>			
1	Kênh N2 hồ Núi Một (đoạn qua KCN Nhơn Hòa)	1.648.000	-1.176.960	471.040	Sở NN&PTNT	Dứt điểm
2	Sửa chữa công trình Đập dâng Đập Cát - Hệ thống tưới Thanh Hòa	153.000	-153.000	0	Sở NN&PTNT	Dứt điểm
3	Đê biển hạ lưu đập Nha Phu (giai đoạn 2)	3.330.000	-1.040.527	2.289.473	UBND huyện Tuy Phước	Dứt điểm
4	Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Điều Trị	2.389.000	-2.037.953	351.047	UBND huyện Tuy Phước	Dứt điểm
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường DT 636A đi cầu Ông Bằng xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn	1.510.000	-168.766	1.341.234	UBND thị xã An Nhơn	Dứt điểm
6	Dường dây 22kV và TBA 400kVA-22/0,4KV cấp điện khu dân dân Gò Đất Đào và Soi SX Vạn Xuân	1.692.000	-71.794	1.620.206	UBND huyện An Lão	Dứt điểm
	<b>Điều chỉnh tăng</b>		<b>4.649.000</b>			
1	DA Nguồn lợi ven biển vì sự PT bền vững (CRSD)	1.000.000	200.000	1.200.000	Sở NN&PTNT	Đối ứng ODA (Thanh toán KLHT)
2	DA Phục hồi và quản lý bảo vệ bền vững rừng phòng hộ (JICA2)	0	400.000	400.000	Sở NN&PTNT	Bổ trí từ nguồn Đất 2,5 tỷ đồng (Đối ứng ODA Thanh toán KLHT)
3	Phát triển ngành Lâm Nghiệp (WB3)	0	163.000	163.000	Sở NN&PTNT	Đối ứng ODA (Thanh toán KLHT)
4	Xây dựng 03 trạm quản lý, bảo vệ rừng của BQL rừng đặc dụng An Toàn	1.200.000	566.960	1.766.960	Sở NN&PTNT	Thanh toán KLHT
5	Đê sông Hà Thanh, Tuy Phước (đoạn dốc xóm 3 - Phước Thành)	2.500.000	1.040.527	3.540.527	UBND huyện Tuy Phước	Thanh toán KLHT

STT	Nguồn vốn/danh mục dự án	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch năm 2018 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
6	Đê sông Cây Me (đoạn thượng, hạ lưu cầu Đội Thông)	3.000.000	2.037.953	5.037.953	UBND huyện Tuy Phước	Thanh toán KLHT
7	Cầu Đập Đá cũ, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	2.000.000	168.766	2.168.766	UBND thị xã An Nhơn	Thanh toán KLHT
8	Nhà làm việc Ban CHQS xã An Toàn	550.000	71.794	621.794	UBND huyện An Lão	Thanh toán KLHT
<b>II</b>	<b>VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b> <i>Điều chỉnh giảm</i>		<b>-1.260.000</b>			
1	Bệnh viện Mắt Bình Định - Mua sắm trang thiết bị y tế	1.000.000	-1.000.000	0	Sở Y tế	Vốn do Orbis tài trợ
2	Trường Tiểu học An Nghĩa (Nhà lớp học 02 tầng 04 phòng)	260.000	-260.000	0	UBND huyện An Lão	Không có giá trị trị khởi lượng để thanh toán
	<i>Điều chỉnh tăng</i>		<b>1.260.000</b>			
1	Phát triển dịch vụ Chăm sóc mắt trẻ em tại Bình Định	0	1.000.000	1.000.000	Bệnh viện Mắt Bình Định	Đôi ứng ODA (Vốn do Orbis tài trợ)
2	Nhà làm việc Ban CHQS xã An Toàn	0	236.997	236.997	UBND huyện An Lão	Trả nợ KLHT (bổ trừ từ vốn ĐTTT là 550 trđ)
3	Nhà làm việc Ban CHQS thị trấn An Lão	0	23.003	23.003	UBND huyện An Lão	Trả nợ KLHT (bổ trừ từ vốn ĐTTT là 400 trđ)
<b>III</b>	<b>VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b> <i>Điều chỉnh giảm</i>		<b>-3.558.000</b>			
1	Trường THPT Quang Trung huyện Tây Sơn	643.000	-352.000	291.000	Sở GD&ĐT	Dứt điểm (đôi ứng ODA)
2	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (HM: Nhà lớp học bộ môn)	1.317.000	-451.000	866.000	Sở GD&ĐT	Dứt điểm
3	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (HM: SBD, đường chạy)	2.195.000	-129.000	2.066.000	Sở GD&ĐT	Dứt điểm



STT	Nguồn vốn/danh mục dự án	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch năm 2018 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
4	Trường THCS Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn	400.000	-126.000	274.000	Sở GD&ĐT	Đổi ứng ODA
5	Trường THCS Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ	396.000	-130.000	266.000	Sở GD&ĐT	Đổi ứng ODA
6	Trường THCS Cát Thành, huyện Phù Cát	414.000	-83.000	331.000	Sở GD&ĐT	Đổi ứng ODA
7	Trường THCS Bình Nghi, huyện Tây Sơn	403.000	-114.000	289.000	Sở GD&ĐT	Đổi ứng ODA
8	Trường THCS Phước Thành, huyện Tuy Phước	359.000	-116.000	243.000	Sở GD&ĐT	Đổi ứng ODA
9	Trường mầm non Phước Hòa	224.000	-224.000	0	UBND huyện Tuy Phước	(Huyện sử dụng vốn địa phương cuối năm 2017 để bổ trợ) Dứt điểm
10	Trường THCS Phước Hưng (Nhà bộ môn)	70.000	-70.000	0	UBND huyện Tuy Phước	(Huyện sử dụng vốn địa phương cuối năm 2017 để bổ trợ) Dứt điểm
11	Trường Mầm non Nhơn Hạnh (điểm trường thôn Lộc Thuận: 3P học)	576.000	-197.155	378.845	UBND thị xã An Nhơn	Dứt điểm (dùng vốn thi xã bổ trợ)
12	Trường Mầm non Nhơn Hạnh (điểm trường thôn Nhơn Thiện: 3 phòng học và phòng chức năng)	812.000	-131.469	680.531	UBND thị xã An Nhơn	Dứt điểm (dùng vốn thi xã bổ trợ)
13	Trường Mầm non Nhơn Hạnh (điểm trường thôn Thái Xuân: 4 phòng học)	723.000	-239.376	483.624	UBND thị xã An Nhơn	Dứt điểm (dùng vốn thi xã bổ trợ)
14	Trường tiểu học Nhơn Hội	895.000	-895.000	0	UBND TP Quy Nhơn	Dứt điểm (thành phố đã sử dụng ngân sách địa phương để bổ trợ dứt điểm)
15	Trường TH Ngô Mây (cơ sở 2)	300.000	-300.000	0	UBND TP Quy Nhơn	Dứt điểm (thành phố đã sử dụng ngân sách địa phương để bổ trợ dứt điểm)
<b>Điều chỉnh tăng</b>						
			3.558.000			
1	Trường THPT Nguyễn Diêu (phần hạng mục bổ sung: Nhà hiệu bộ)	500.000	685.000	1.185.000	Sở GD&ĐT	Trả nợ KLHT

STT	Nguồn vốn/danh mục dự án	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch năm 2018 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
2	Trường THPT Hùng Vương (HM: NLH 3T9P)	2.000.000	416.000	2.416.000	Sở GD&ĐT	Trả nợ KLHT
3	Trường THPT Ngô Lê Tân (HM: NLH 3T 12P)	3.000.000	400.000	3.400.000	Sở GD&ĐT	Trả nợ KLHT
4	Trường mầm non Phước Thành (Cụm Cảnh An - Bình An)	0	294.000	294.000	UBND huyện Tuy Phước	Trả nợ KLHT (Năm 2018 KH từ tiền đất là 250 triệu đồng)
5	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã An Nhơn	0	568.000	568.000	UBND thị xã An Nhơn	Trả nợ KLHT (Năm 2018 KH từ tiền đất là 1.400 triệu đồng)
6	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên TP Quy Nhơn (HM: XD mới nhà 3T9P; sửa chữa khu văn phòng và tường rào, cổng ngõ)	2.000.000	1.195.000	3.195.000	UBND thành phố Quy Nhơn	Thanh toán KLHT